

BỘ TƯ PHÁP - BỘ QUỐC PHÒNG

**BỘ TƯ PHÁP -
BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2011/TTLT-BTP-BQP

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2011

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 28 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước,

Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng thống nhất hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn việc thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong thi hành án dân sự về: xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường; xác định thiệt hại được bồi thường và trách nhiệm báo cáo về việc giải quyết bồi thường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân bị thiệt hại; cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sau đây gọi chung là Nghị định số 16/2010/NĐ-CP), cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bồi thường nhà nước.

Chương II

XÁC ĐỊNH TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 3. Căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự

1. Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong trường hợp người thi hành công vụ ra quyết định hoặc tổ chức thi hành quyết định về thi hành án dân sự quy định tại Điều 38 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sau đây gọi chung là Luật TNBTCNN) chỉ phát sinh khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi của người thi hành công vụ là trái pháp luật;
- b) Hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường quy định tại Điều 38 của Luật TNBTCNN;
- c) Có thiệt hại thực tế xảy ra;
- d) Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế xảy ra và hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ.

2. Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong trường hợp người thi hành công vụ không ra quyết định hoặc không tổ chức thi hành quyết định về thi hành án dân sự quy định tại Điều 38 của Luật TNBTCNN chỉ phát sinh khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Có lỗi cố ý của người thi hành công vụ.

3. Nhà nước không bồi thường đối với thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại; trường hợp người thi hành công vụ và người bị thiệt hại cùng có lỗi thì Nhà nước chỉ bồi thường một phần thiệt hại tương ứng với phần lỗi của người thi hành công vụ.

Điều 4. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hoặc làm cơ sở để xác định người thi hành công vụ có hành vi trái pháp luật

1. Quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 142 Luật Thi hành án dân sự đã có hiệu lực pháp luật.

2. Kết luận nội dung tố cáo của người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 157 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật.

Điều 5. Xác định lỗi cố ý của người thi hành công vụ

1. Trong trường hợp các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Thông tư liên tịch này đã xác định lỗi cố ý của người thi hành công vụ thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường căn cứ vào văn bản đó để thực hiện việc giải quyết bồi thường cho người bị thiệt hại.

2. Trong trường hợp văn bản quy định tại Điều 4 của Thông tư liên tịch này chưa xác định lỗi cố ý của người thi hành công vụ thì căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, cơ quan có trách nhiệm bồi thường xác định lỗi cố ý của người thi hành công vụ trên cơ sở áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Điều 6. Xác định phạm vi trách nhiệm bồi thường

Việc xác định phạm vi trách nhiệm bồi thường trong một số trường hợp cụ thể quy định tại Điều 38 Luật TNBTCNN được thực hiện như sau:

1. Trường hợp ra hoặc cố ý không ra quyết định thi hành án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 của Luật TNBTCNN bao gồm:

a) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án trái pháp luật;

b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cố ý không ra quyết định thi hành án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 Luật Thi hành án dân sự.

2. Trường hợp thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 của Luật TNBTCNN bao gồm:

a) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên ra quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án trái pháp luật;

b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên cố ý không ra quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án khi có căn cứ thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 của Luật TNBTCNN bao gồm:

a) Chấp hành viên ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án không có căn cứ pháp luật hoặc cố ý không ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án khi có căn cứ áp dụng biện pháp bảo đảm trong trường hợp tự mình áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án;

b) Chấp hành viên ra không đúng hoặc cố ý không ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án trong trường hợp áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo yêu cầu của đương sự;

c) Trường hợp Chấp hành viên ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án đúng theo yêu cầu của đương sự mà gây thiệt hại thì không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

4. Trường hợp cưỡng chế thi hành án quy định tại điểm d khoản 1 Điều 38 của Luật TNBTCNN bao gồm:

- a) Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế thi hành án trái pháp luật;
- b) Chấp hành viên cố ý không ra quyết định cưỡng chế thi hành án khi có căn cứ áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 38 của Luật TNBTCNN bao gồm:

- a) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án để thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án trái pháp luật;
- b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cố ý không ra quyết định thi hành án để thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án trong thời hạn theo quy định của pháp luật;
- c) Trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án để thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án đúng với quyết định đó mà gây ra thiệt hại thì không thuộc trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự.

6. Trường hợp hoãn thi hành án quy định tại điểm e khoản 1 Điều 38 của Luật TNBTCNN bao gồm:

- a) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định hoãn thi hành án trái pháp luật;
- b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cố ý không chủ động ra quyết định hoãn thi hành án khi việc thi hành án thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự hoặc cố ý không ra quyết định hoãn thi hành án khi nhận được yêu cầu của người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự;
- c) Trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định hoãn thi hành án theo điểm b khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự hoặc theo yêu cầu của người có thẩm quyền kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự mà gây ra thiệt hại thì không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự.

7. Trường hợp tạm đình chỉ thi hành án quy định tại điểm g khoản 1 Điều 38 của Luật TNBTCNN bao gồm:

a) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án trái pháp luật;

b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cố ý không ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án trái pháp luật;

c) Trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án khi nhận được thông báo của Tòa án về việc đã thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với người phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Luật Thi hành án dân sự mà gây ra thiệt hại thì không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự.

8. Trường hợp đình chỉ thi hành án quy định tại điểm g khoản 1 Điều 38 của Luật TNBTCNN bao gồm:

a) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ thi hành án trái pháp luật;

b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cố ý không ra quyết định đình chỉ thi hành án khi việc thi hành án thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Thi hành án dân sự.

9. Trường hợp tiếp tục thi hành án quy định tại điểm h khoản 1 Điều 38 của Luật TNBTCNN bao gồm các trường hợp sau đây:

a) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tiếp tục thi hành án trái pháp luật;

b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cố ý không ra quyết định tiếp tục thi hành án khi căn cứ, thời hạn hoãn thi hành án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự không còn hoặc đã nhận được một trong các quyết định quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Thi hành án dân sự.

10. Việc tổ chức thi hành hoặc cố ý không tổ chức thi hành quyết định quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật TNBTCNN bao gồm:

a) Thủ trưởng cơ quan thi hành án, Chấp hành viên và những người thi hành công vụ khác có hành vi trái pháp luật trong quá trình tổ chức thi hành các quyết định về thi hành án;

b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án, Chấp hành viên và những người thi hành công vụ khác cố ý không tổ chức thi hành các quyết định về thi hành án theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thiệt hại thực tế

Thiệt hại thực tế là thiệt hại có thực mà người bị thiệt hại phải gánh chịu do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra theo quy định của Luật TNBTCNN và pháp luật có liên quan.